TOÀ ÁN NHÂN DÂN **Q. HẢI CHÂU - TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2023/DSST
Ngày: 22/9/2023
V/v: "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU - TP. ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Hằng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Lương**.**
Ông Nguyễn Văn Sanh.

- Thư ký phiên toà: Bà Võ Thị Tới - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly Na - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22/9/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hải Châu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 215/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2023/QĐXXST-DS, ngày 21 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 99/2023/QĐST-DS ngày 06/9/2023; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phan Thành T ; sinh năm 1993; Địa chỉ: Huyện T , Phường H , Tam Kỳ, Quảng Nam. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Hồ Thủy T - sinh năm 1978 và ông Lê Phước Quý C , sinh năm 1972; Cùng địa chỉ: Số 101 Đường A, phường B, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng. (Bà T vắng mặt, ông C có mặt).

- Người làm chứng:

+ Ông Phan Đức Q; Địa chỉ: Huyện T , Phường H , Tam Kỳ, Quảng Nam. Có mặt.

+ Ông Phan Nguyễn Hoài L; sinh năm 1989; Địa chỉ: xã X, huyện N , Quảng Nam. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Nguyên đơn ông Phan Thành T yêu cầu khởi kiện như sau:*

Xuất phát từ mối quan hệ làm ăn, quen biết nên ông Phan Thành T có cho bà Hồ Thủy T và ông Lê Phước Quý C vay số tiền 2.949.999.995 đồng theo các thông tin chuyển khoản vào tài khoản bà Hồ Thủy T vào các ngày 12,19/11/2021; 10/12/2021; 20/01/2022; 11/03/2022 tại Bảng sao kê chi tiết giao dịch từ ngày

01/11/2021 đến ngày 31/12/2022 của Ngân hàng Công thương Việt Nam, Chi nhánh Quảng Nam, phòng giao dịch Tam Kỳ và các giấy mượn tiền đề ngày 07/11/2022 và 27/12/2022; số tiền chuyển khoản cho bà T 2.949.999.995 đồng và hai Giấy mượn tiền ngày 07/11/2022 và ngày 27/12/2022 số tiền mượn 1.700.000.000 đồng do ông C ký, thực chất số tiền này nằm trong số tiền ông chuyển khoản cho bà T, sở dĩ có hai giấy mượn tiền này là do sau khi chuyển khoản ông có nói ông C, bà T viết thêm giấy mượn tiền để có căn cứ và số tiền trong giấy mượn tiền không khớp với số tiền ông chuyển khoản 2.949.999.995 đồng là vì khi ông C viết được 1.700.000.000 đồng thì ông C, bà T không viết nữa mặc dù ông đã yêu cầu rất nhiều lần; mục đích vay để ông C và bà T giải quyết khó khăn trong kinh doanh; lãi suất được 2 bên thỏa thuận theo từng thời điểm cụ thể và theo năng lực trả nợ của vợ chồng ông C, bà Tiên, mức lãi suất tuân thủ theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Quá trình vay ông C và bà T đã trả được cho ông số tiền 750.000.000 đồng vào các ngày 23/02/2022; 09/09/2022; 15/12/2022 và một số tiền lãi ông không nhớ là bao nhiêu, do ông C, bà T không thực hiện đúng thỏa thuận trả lãi nên ông không yêu cầu trả lãi nữa mà chỉ yêu cầu trả tiền gốc. Nay ông C bà T còn nợ ông số tiền gốc 2.199.999.995 đồng. Đã quá thời hạn trả nợ theo giấy nhận nợ ngày 07/11/2022 là trong vòng 15 ngày, kể từ ngày viết giấy, trả một phần số tiền gốc và lãi; giấy mượn tiền ngày 27/12/2022 sẽ trả toàn bộ số tiền trước ngày 31/3/2023, nhưng vợ chồng ông C và bà T không thực hiện đúng thỏa thuận và cho đến nay chưa trả cho ông số tiền trên. Nay ông bớt cho ông C bà T số tiền 99.999.995 đồng, còn lại 2.100.000.000 đồng, ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông C, bà T phải trả lại cho ông số tiền gốc nói trên và ông không yêu cầu tính lãi.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Lê Phước Quý C trình bày:*

Ông thừa nhận ông và bà T có vay tiền của ông Phan Thành T số tiền 2.949.999.995 đồng như ông T trình bày là đúng, quá trình vay ông và bà T có trả cho ông T một số tiền lãi nhưng do vợ ông đau không ra Ngân hàng sao kê được nên không biết số tiền lãi đã trả là bao nhiêu. Thực chất số tiền theo hai giấy mượn tiền ông ký vào các ngày 07/11/2023 và ngày 27/12/2023 là 1.700.000.000 đồng là trong số tiền 2.949.999.995 đồng mà ông T chuyển khoản cho bà T, sau khi ông T chuyển khoản vào tài khoản bà T thì có yêu cầu vợ chồng ông bà viết hai giấy này thêm để làm chứng cứ và ông là người ký giấy, số tiền vợ chồng ông đã trả cho ông T là 750.000.000 đồng, ngoài ra vợ chồng ông còn trả hơn số tiền trên nhưng chưa sao kê được, nay ông thừa nhận ông còn nợ ông T số tiền như ông T trình bày là đúng và vợ chồng ông đồng ý trả cho ông T số tiền 2.100.000.000 đồng như ông T yêu cầu nhưng xin được trả vào ngày 30/11/2023.

* Đối với bị đơn bà Hồ Thủy T Toà án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý nêu rõ yêu cầu của Nguyên đơn; thông báo phiên hòa giải theo đúng trình tự thủ tục tố tụng nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng Nguyên đơn đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án theo Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn bà Hồ Thủy T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà T là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Hồ Thủy T và ông Lê Phước Quý C phải trả cho ông Phan Thành T số tiền 2.100.000.000 đồng, về tiền lãi nguyên đơn không yêu cầu nên Viện kiểm sát không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà Hồ Thủy T tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn bà T.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào Bảng sao kê chi tiết giao dịch từ ngày 01/11/2021 đến ngày 31/12/2022 của Ngân hàng Công thương Việt Nam, Chi nhánh Quảng Nam, phòng giao dịch Tam Kỳ và các giấy mượn tiền đề ngày 07/11/2022 và 27/12/2022 do ông Lê Phước Quý C ký cùng với lời khai của ông C trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa xác định bà Hồ Thủy T và ông Lê Phước Quý C có vay của ông Phan Thành T số tiền 2.949.999.995 đồng là hoàn toàn có căn cứ. Sau khi vay tiền ông C bà T đã trả được số tiền 750.000.000 đồng. Như vậy, xác định bà T và ông C còn nợ ông T số tiền 2.199.999.995 đồng là có cơ sở.

[3] Tại phiên tòa ông T bớt cho ông C, bà T số tiền 99.999.995 đồng, số tiền còn lại ông yêu cầu ông C, bà T phải trả là 2.100.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

[4] Bị đơn ông Lê Phước Quý C thừa nhận, vợ chồng ông bà có nợ ông T số tiền nêu trên, quá trình vay thì ông bà đã trả cho ông T số tiền 750.000.000 đồng là đúng và có trả một ít tiền lãi nhưng ông không sao kê được tài khoản Ngân hàng nên không biết là bao nhiêu. Nay ông đồng ý trả số tiền 2.100.000.000 đồng cho ông T và xin trả vào ngày 30/11/2023.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn và ý kiến của bị đơn thì thấy: Tại bảng sao kê chi tiết giao dịch của số tài khoản ông Phan Thành T từ ngày 01/11/2021 đến

ngày 31/12/2022 của Ngân hàng Công thương Việt Nam, Chi nhánh Quảng Nam, phòng giao dịch Tam Kỳ thể hiện vào các ngày 12,19/11/2021; 10/12/2021; 20/01/2022; 11/03/2022 ông T chuyển vào tài khoản bà Hồ Thủy T tổng số tiền 2.949.999.995 đồng, sau đó vào các ngày 23/02/2022; 09/9/2022 và 15/02/2022 bà Hồ Thủy T chuyển trả cho ông Phan Thành T số tiền 750.000.000 đồng, số tiền còn nợ 2.199.999.995 đồng. Sau khi chuyển tiền thì ông T yêu cầu ông C, bà T viết hai giấy mượn tiền vào các ngày 07/11/2022 và 27/12/2022 để làm chứng cứ cho số tiền đã mượn, tuy nhiên số tiền còn nợ theo bảng sao kê tài khoản và giấy mượn tiền không khớp nhau là vì sau khi viết hai giấy mượn tiền 1.700.000.000 đồng, ông T yêu cầu ông C, bà T viết thêm cho đủ số tiền 2.199.999.995 đồng nhưng ông C bà T không viết và sau đó mất liên lạc với ông C, bà T, nội dung này đã được ông T và ông C thừa nhận là đúng.

[6] Như vậy, theo bảng sao kê ông T chuyển vào tài khoản bà T và bà T đã chuyển trả cho ông T cũng như hai giấy mượn tiền ông C viết cùng với lời trình bày của ông T và ông C tại phiên tòa xác định số tiền ông C, bà T còn nợ ông T là 2.199.999.995 đồng, vợ chồng ông C, bà T cam kết trả hết số tiền trên trước ngày 31/3/2023, tuy nhiên đến nay vẫn chưa trả hết số tiền trên cho ông T là đã vi phạm thời hạn vay, nay ông T chỉ yêu cầu trả số tiền 2.100.000.000 đồng, bị đơn ông C đồng ý trả số tiền trên nhưng xin được trả vào ngày 30/11/2023. Trong quá trình vay các bên có thỏa thuận lãi suất đồng thời bị đơn cũng đã trả cho nguyên đơn một số tiền lãi, tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn ông C có mặt cũng không tranh chấp về số tiền lãi đã trả, bà T không có ý kiến phản hồi nên không xem xét.

[7] Từ những phân tích trên, có căn cứ cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và ý kiến của bị đơn ông C, buộc vợ chồng ông C, bà T phải trả cho ông T số tiền 2.100.000.000 đồng theo quy định tại các Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự 2015; về tiền lãi do nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Ý kiến của bị đơn ông C xin được trả số tiền trên vào ngày 30/11/2023 nhưng không được nguyên đơn đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 24 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ban hành ngày 30/12/2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Lê Phước Quý C và bà Hồ Thủy T phải chịu trên số tiền phải trả: 2.100.000.000 đồng = 72.000.000 đồng + 2% của phần giá trị tranh chấp vượt quá 2.000.000.000 đồng: 100.000.000 x 2% = 2.000.000 đồng. Như vậy, số tiền án phí ông C và bà T phải chịu 72.000.000 đồng + 2.000.000 đồng = 74.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ban hành ngày 30/12/2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" của nguyên đơn ông Phan Thành T đối với bị đơn bà Hồ Thủy T và ông Lê Phước Quý C .

2. Xử: Buộc bà Hồ Thủy T và ông Lê Phước Quý C phải trả cho ông Phan Thành T số tiền: 2.100.000.000đ (Hai tỷ một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành hoặc (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) mà bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ của mình thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Án phí dân sự sơ thẩm bà Hồ Thủy T và ông Lê Phước Quý C phải chịu: 74.000.000 đồng (Bảy mươi bốn triệu đồng). Hoàn trả lại cho ông Phan Thành T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 38.000.000 đồng (Ba mươi tám triệu đồng) theo biên lai thu số 0007611 ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.

4. Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn ông Lê Phước Quý C có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn bà Hồ Thủy T vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND quận Hải Châu, TP Đà Nẵng;
- CCTHADS quận Hải Châu, TP Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lưu Thị Hằng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**